

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật
và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**

Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt; Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt như sau:¹

¹ Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định như sau:

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và trong quá trình khai thác trên các mạng đường sắt sau:

- a) Đường sắt quốc gia;
- b) Đường sắt đô thị;
- c) Đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;
- d) Đường sắt chuyên dùng không nối ray với đường sắt quốc gia có đi qua khu dân cư, giao cắt với đường bộ.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và khai thác phương tiện giao thông đường sắt sử dụng trên các mạng đường sắt quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phương tiện giao thông đường sắt* (sau đây gọi tắt là phương tiện) là đầu máy, toa xe, toa xe động lực, phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt;
2. *Toa xe động lực* là toa xe có lắp động cơ để tự di chuyển trên đường sắt;
3. *Phương tiện chuyên dùng* là ô tô ray, goòng máy, cần trục, máy chèn đường, máy kiểm tra đường và phương tiện khác có thể di chuyển trên đường sắt;
4. *Tổng thành* là động cơ Diesel, máy phát điện chính, động cơ điện kéo, giá chuyển hướng, van hãm, bộ móc nối đỡ đãm;
5. *Hệ thống* là hệ thống hãm, hệ thống truyền động, hệ thống điện;
6. *Hoán cải* là việc thay đổi tính năng sử dụng của phương tiện hoặc thay đổi cấu tạo và đặc tính kỹ thuật khác với thiết kế ban đầu đối với động cơ Diesel, động cơ điện kéo, giá chuyển hướng, hệ thống hãm, bộ móc nối đỡ đãm;
7. *Sản phẩm* là phương tiện hoặc tổng thành, hệ thống;
8. *Cơ sở thiết kế* là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh ngành nghề thiết kế phương tiện giao thông đường sắt phù hợp với các quy định hiện hành;
9. *Cơ sở sản xuất* là doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi, sửa chữa phương tiện có đủ điều kiện theo quy định hiện hành.

Chương 2

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Căn cứ để kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

Căn cứ để kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là kiểm tra) bao gồm:

1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;
2. Hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ kỹ thuật.

Điều 4. Loại hình kiểm tra

Việc kiểm tra bao gồm các loại hình sau:

1. Kiểm tra sản phẩm nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp;
2. Kiểm tra sản phẩm hoán cải, phục hồi;
3. Kiểm tra định kỳ phương tiện;
4. Kiểm tra bất thường.

Điều 5. Hồ sơ thiết kế

²(được bãi bỏ)

Hồ sơ thiết kế được quy định như sau:

1. Đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế gồm có:

a) Bản vẽ kỹ thuật:

- Bản vẽ tổng thể của phương tiện;
- Bản vẽ lắp đặt tổng thành, hệ thống;
- Bản vẽ và thông số kỹ thuật của tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước;
- Bản thông số kỹ thuật của tổng thành, hệ thống nhập khẩu.

b) Bản thuyết minh, tính toán:

- Thuyết minh đặc tính kỹ thuật cơ bản của phương tiện;
- Tính toán động lực học: tính êm dịu vận hành, tính an toàn chống lật và chống trật bánh;
- Tính toán sức kéo (áp dụng đối với đầu máy, toa xe động lực hoặc phương tiện động lực khác);

² Đoạn “Hồ sơ thiết kế do cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất có đủ điều kiện thiết kế theo quy định lập thành 03 bộ gửi tới các cơ quan đăng kiểm để thẩm định.” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

- Tính toán kiểm nghiệm sức bền của bộ xe, thân toa xe và giá xe của đầu máy hoặc phương tiện động lực;

- Tính toán kiểm nghiệm hãm.

2. Đối với tổng thành sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế gồm có:

a) Bản vẽ tổng thể của sản phẩm;

b) Bản thuyết minh đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.

3. Đối với phương tiện hoán cải, hồ sơ thiết kế gồm có:

a) Bản vẽ tổng thể của phương tiện trước và sau hoán cải;

b) Tài liệu kỹ thuật của tổng thành, hệ thống được sử dụng để hoán cải;

c) Bản thuyết minh, tính toán liên quan đến nội dung hoán cải.

Điều 6. Thẩm định thiết kế

1. Việc thẩm định hồ sơ thiết kế được thực hiện đối với các sản phẩm trước khi sản xuất, lắp ráp lần đầu hoặc hoán cải.

2. Thẩm định thiết kế là việc xem xét, đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế sản phẩm với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Việc thẩm định thiết kế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kéo dài thời gian thẩm định do yêu cầu bổ sung hồ sơ thiết kế thì cơ quan đăng kiểm phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất.

3. Sau khi thẩm định, hồ sơ thiết kế được chuyển tới cơ sở thiết kế hoặc cơ sở sản xuất, chủ phương tiện và lưu trữ tại cơ quan đăng kiểm.

4.³ Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế:

a) 01 Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này;

b) 03 hồ sơ thiết kế quy định tại Điều 5 Thông tư này.

5.⁴ Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam. Thành phần bộ hồ sơ thiết kế theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ thiết kế. Nếu hồ sơ thiết kế không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

6.⁵ Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả thẩm định thiết kế trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

Điều 7. Kiểm tra sản phẩm sản xuất, lắp ráp

1. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:

- a) Hồ sơ thiết kế của sản phẩm đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định;
- b) Chứng chỉ chất lượng (đối với sản phẩm yêu cầu phải có chứng chỉ chất lượng) hoặc tài liệu kỹ thuật liên quan của tổng thành, hệ thống được sử dụng để sản xuất, lắp ráp sản phẩm;
- c) Hồ sơ kiểm tra và nghiệm thu sản phẩm của cơ sở sản xuất.

2. Nội dung kiểm tra:

- a) Đối với phương tiện: kiểm tra theo nội dung quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này;
- b) Đối với tổng thành: kiểm tra theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và đối chiếu các thông số kỹ thuật với hồ sơ thiết kế đã thẩm định.

3. Phương thức kiểm tra:

- a) Đối với phương tiện: kiểm tra từng phương tiện;
- b) Đối với tổng thành: kiểm tra một sản phẩm bất kỳ của lô sản phẩm.

4.⁶ Trình tự thực hiện:

- a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam.

⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế.

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện (sau đây gọi là giấy chứng nhận) theo quy định.

5⁷. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

6.⁸ Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận:

a) Đối với đường sắt quốc gia

- Đầu máy, phương tiện chuyên dùng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

- Toa xe khách là 28 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

- Toa xe hàng là 36 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

b) Đối với đường sắt chuyên dùng: 30 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

Điều 8. Kiểm tra phương tiện hoán cải

1. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:

a) Hồ sơ thiết kế hoán cải phương tiện đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định;

b) Chứng chỉ chất lượng (đối với sản phẩm yêu cầu phải có chứng chỉ chất lượng) hoặc tài liệu kỹ thuật liên quan của tổng thành, hệ thống được sử dụng để hoán cải phương tiện;

c) Hồ sơ kiểm tra và nghiệm thu phương tiện của cơ sở sản xuất.

⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

2. Nội dung kiểm tra bao gồm xem xét, đánh giá chất lượng phương tiện hoàn cải theo các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và hồ sơ thiết kế hoàn cải đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định.

3. Phương thức kiểm tra

Kiểm tra từng phương tiện.

4.⁹ Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận cho phương tiện theo quy định.

5.¹⁰ Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

Điều 9. Kiểm tra phương tiện nhập khẩu

1. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:

a) Thỏa thuận kỹ thuật của hợp đồng nhập khẩu;

b) Tài liệu giới thiệu đặc tính kỹ thuật của phương tiện;

c) Chứng chỉ chất lượng xuất xưởng hợp thức của nhà sản xuất hoặc của tổ chức kiểm tra chất lượng có thẩm quyền của nước ngoài được Đăng kiểm Việt Nam thừa nhận.

2. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra theo nội dung quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

¹⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

3. Phương thức kiểm tra

Kiểm tra từng phương tiện.

4.¹¹ Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận cho phương tiện theo quy định.

5.¹² Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

6.¹³ Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận:

a) Đối với đường sắt quốc gia:

- Đầu máy, phương tiện chuyên dùng nhập khẩu mới là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Toa xe khách nhập khẩu mới là 28 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

- Toa xe hàng nhập khẩu mới là 36 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận;

¹¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

¹² Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

¹³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

- Đối với phương tiện nhập khẩu đã qua sử dụng là 12 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

b) Đối với đường sắt chuyên dùng:

- Đối với phương tiện nhập khẩu mới là 30 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

- Đối với phương tiện nhập khẩu đã qua sử dụng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

Điều 10. Kiểm tra định kỳ đối với phương tiện

1.¹⁴ Thời điểm kiểm tra và hiệu lực giấy chứng nhận đối với phương tiện hoạt động trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị.

a) Đối với phương tiện nhập khẩu và sản xuất lắp ráp mới

- Kiểm tra định kỳ đầu máy, phương tiện chuyên dùng được thực hiện cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp 2, cấp 3 lần đầu.

- Kiểm tra định kỳ toa xe được thực hiện cùng thời điểm toa xe đưa vào sửa chữa niên tu lần đầu.

b) Đối với phương tiện đang khai thác

- Kiểm tra định kỳ đầu máy, toa xe động lực được thực hiện cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp đại tu, cấp ky, cấp 2 và cấp 3 nhưng không quá 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

- Kiểm tra định kỳ toa xe khách được thực hiện tại cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp đại tu và cấp niên tu nhưng không quá 14 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

- Kiểm tra định kỳ toa xe hàng được thực hiện tại cùng thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa cấp đại tu và cấp niên tu nhưng không quá 20 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

- Kiểm tra định kỳ phương tiện chuyên dùng theo thời gian cho phép của giấy chứng nhận. Hiệu lực giấy chứng nhận cấp cho phương tiện chuyên dùng là 18 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu và cấp giấy chứng nhận.

2. Thời điểm kiểm tra đối với phương tiện hoạt động trên đường sắt chuyên dùng có nối ray và không nối ray với đường sắt quốc gia được thực hiện theo chu kỳ:

¹⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

a) Đối với phương tiện nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp mới: kiểm tra định kỳ lần đầu là 30 tháng tính từ thời điểm kiểm tra nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp mới;

b) Đối với phương tiện đang khai thác: chu kỳ kiểm tra là 18 tháng.

3. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:

a) Lý lịch kỹ thuật của phương tiện;

b) Hồ sơ kiểm tra và nghiệm thu phương tiện của cơ sở sản xuất.

4. Nội dung kiểm tra theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

5.¹⁵ Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này và gửi hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn kiểm tra theo đề nghị của người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra thực tế;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu. Nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân. Nếu đạt thì cấp giấy chứng nhận cho phương tiện theo quy định.

6.¹⁶ Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả kiểm tra trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính.

Điều 11. Kiểm tra bất thường

Kiểm tra bất thường được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phương tiện bị tai nạn hoặc khi có khiếu nại về chất lượng sản phẩm.

Điều 12. Cấp và sử dụng giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

1. Việc cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được thực hiện như sau:

¹⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

¹⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

a) Sản phẩm được kiểm tra theo quy định tại Điều 4 của Quy định này và hồ sơ thiết kế được thẩm định, nếu thỏa mãn các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành thì cơ quan đăng kiểm cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận) theo mẫu tương ứng tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này;

b) Sau khi kết thúc kiểm tra, việc cấp giấy chứng nhận được thực hiện trong thời gian không quá một ngày đối với phương tiện kiểm tra định kỳ, 03 ngày đối với phương tiện nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải.

2. Việc sử dụng giấy chứng nhận được thực hiện như sau:

a) Giấy chứng nhận tổng thành sản xuất, lắp ráp được cấp cho cơ sở sản xuất để cho phép sử dụng, lắp ráp trên phương tiện;

b) Giấy chứng nhận cấp cho phương tiện được sử dụng để làm thủ tục đăng ký và lưu hành phương tiện;

c) Chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện có trách nhiệm bảo quản giấy chứng nhận và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nghiêm cấm việc sửa chữa, tẩy xóa giấy chứng nhận đã được cấp.

3. Hiệu lực của giấy chứng nhận và việc thu hồi giấy chứng nhận:

a) Giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho phương tiện sẽ tự mất hiệu lực sau khi phương tiện bị tai nạn gây hư hỏng nặng các tổng thành hệ thống và phương tiện không đảm bảo an toàn khi tiếp tục vận hành;

b) Cơ quan đăng kiểm thực hiện việc thu hồi giấy chứng nhận khi chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện không thực hiện đầy đủ các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình kỹ thuật hiện hành trong bảo dưỡng, sửa chữa và khai thác phương tiện;

4. Cơ quan đăng kiểm lưu trữ hồ sơ đăng kiểm trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

Chương 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Tổ chức thực hiện việc đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt trong phạm vi cả nước.

2. Tuân thủ các quy định của quy phạm, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khi thực hiện việc kiểm tra chất lượng và an toàn kỹ thuật của sản phẩm.

3. Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công tác đăng kiểm theo thẩm quyền.

4. Thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận một cách khách quan, đúng pháp luật. Thủ trưởng cơ quan đăng kiểm và người trực tiếp kiểm tra phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra.

5. Thống nhất quản lý việc phát hành và cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng kiểm tra.

6. Thực hiện việc xem xét, đánh giá và ủy quyền cho phòng thử nghiệm và tổ chức đăng kiểm nước ngoài.

7. Thu, sử dụng phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.

8. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thực hiện công tác kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở thiết kế, sản xuất lắp ráp, nhập khẩu và chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện

1. Trách nhiệm của các cơ sở thiết kế, sản xuất lắp ráp và nhập khẩu phương tiện:

a) Thực hiện các quy định về hồ sơ thiết kế và thẩm định hồ sơ thiết kế theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Thông tư này;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm thiết kế do mình thực hiện;

c) Tuân thủ các quy trình, quy phạm, quy định, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khi nhập khẩu, thiết kế, sản xuất lắp ráp, sửa chữa, hoán cải, phục hồi sản phẩm;

d) Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm và đầu tư thiết bị kiểm tra phù hợp với các quy định liên quan. Thiết bị kiểm tra phải được kiểm chuẩn định kỳ;

đ) Tổ chức kiểm tra chất lượng cho từng sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm xuất xưởng;

e) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng sản phẩm nhập khẩu;

g) Chịu sự giám sát về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ quan đăng kiểm trong quá trình sản xuất;

h) Bảo quản hồ sơ kỹ thuật, chứng chỉ chất lượng, giấy chứng nhận và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

2. Chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện:

Chịu trách nhiệm sửa chữa, bảo dưỡng để bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện giữa hai kỳ kiểm tra của cơ quan đăng kiểm.

Điều 15.¹⁷ Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành; Bãi bỏ Quyết định số 58/2005/QĐ-BGTVT ngày 07/11/2005 của Bộ GTVT ban hành “Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt”.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 05/VBHN-BGTVT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2014

BỘ TRƯỞNG**Đinh La Thăng**

09483999

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

¹⁷ Điều 2 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011 quy định như sau:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.
2. Các giấy chứng nhận đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn có giá trị đến ngày hết thời hạn hiệu lực đã được ghi trên giấy chứng nhận.
3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Phụ lục 1**NỘI DUNG KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN***(Kèm theo Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009**Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật
và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt)***1.1. ĐỐI VỚI ĐẦU MÁY, TOA XE ĐỘNG LỰC, PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG**

TT	Các hạng mục kiểm tra	Sản xuất, lắp ráp	Nhập khẩu	Định kỳ	Yêu cầu
1	Vật liệu	x			Phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, hồ sơ kỹ thuật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.
2	Bố trí lắp đặt chung	x	x		
3	Kích thước giới hạn	x	x		
4	Trọng lượng, tải trọng trục	x	x		
5	Giá xe	x	x	x (*)	
6	Giá chuyển hướng	x	x	x	
7	Bộ móc nối, đỡ đấm	x	x	x	
8	Động cơ Diesel	x	x	x	
9	Hệ thống điện	x	x	x	
10	Hệ thống truyền động	x	x	x	
11	Hệ thống hãm	x	x	x	
12	Hệ thống xả cát	x	x	x	
13	Đèn pha	x	x	x	
14	Còi	x	x	x	
15	Các thiết bị an toàn	x	x	x	
16	Thử nghiệm vận hành	x	x	x	
17	Các chỉ tiêu bảo vệ môi trường	x	x	x	

Ghi chú:

- Ký hiệu x là: hạng mục kiểm tra
- Ký hiệu x (*) là: hạng mục kiểm tra chỉ áp dụng đối với phương tiện khi kiểm tra định kỳ cấp sửa chữa đại tu.

1.2. ĐỐI VỚI TOA XE

TT	Các hạng mục kiểm tra	Sản xuất, lắp ráp	Nhập khẩu	Định kỳ	Yêu cầu
1	Vật liệu	x			Phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, hồ sơ kỹ thuật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành
2	Bố trí lắp đặt chung	x	x		
3	Kích thước giới hạn	x	x	x	
4	Trọng lượng, tải trọng trục	x	x		
5	Bộ xe, thân xe	x	x	x	
6	Giá chuyển hướng	x	x	x	
7	Bộ móc nối, đỡ đấm	x	x	x	
8	Hệ thống hãm	x	x	x	
9	Các yêu cầu an toàn đối với cửa lên xuống và cửa sổ	x	x	x	
10	Hệ thống điện	x	x	x	
11	Hệ thống thông gió và điều hòa không khí	x	x	x	
12	Trang bị an toàn	x	x	x	
13	Các yêu cầu về an toàn đối với ghế, giường, giá hành lý	x	x	x	
14	Thử nghiệm kín nước thân xe	x	x	x	
15	Thử nghiệm vận hành	x	x		

Ghi chú:

- Ký hiệu x là: hạng mục kiểm tra.

Phụ lục 2**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN**

*(Kèm theo Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009
Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật
và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt)*

2.1.¹⁸ MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO THIẾT KẾ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ**Số:**

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ kết quả thẩm định tại biên bản thẩm định số:..... ngày..... ;

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Tên thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thiết kế:

Địa chỉ:

ĐÃ ĐƯỢC CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM THẨM ĐỊNH

Nội dung chính của bản thiết kế:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT**(Tùy thuộc vào loại phương tiện, tổng thành)***Hà Nội, ngày... tháng... năm....***CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể

¹⁸ Mục này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

2.2. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO ĐẦU MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẦU MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP**

Số:
(Liên số:)

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ biên bản kiểm tra số: ngày:

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại đầu máy:

Số hiệu:

Cơ sở sản xuất:

Năm sản xuất:

Địa chỉ:

Phạm vi hoạt động:

Địa điểm kiểm tra:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Ký hiệu động cơ:	Công suất định mức:	kW(ml)
Số động cơ:	Trọng lượng chính bị:	T
Công thức trục:	Tải trọng trục:	T
Kiểu truyền động:	Tốc độ lớn nhất:	km/h
Số chỗ:		
Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:		m
Khổ đường:		mm
Kích thước giới hạn đầu máy (D x R x C):		mm

Đầu máy này thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

Hà Nội, ngày... tháng... năm...
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể

2.3. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO TOA XE SẢN XUẤT, LẮP RÁP

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT
 VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TOA XE SẢN XUẤT, LẮP RÁP**

Số:

(Liên số:)

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ biên bản kiểm tra số: ngày:

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại toa xe:

Số hiệu:

Cơ sở sản xuất:

Năm sản xuất:

Địa chỉ:

Phạm vi hoạt động:

Địa điểm kiểm tra:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại giá chuyên hướng:

Tốc độ lớn nhất: km/h

Loại van hãm:

Tự trọng: T

Loại đầu đấm móc nối:

Tải trọng: T

Số chỗ:

Tải trọng trục: T

Loại máy điều hòa không khí:

Công suất nhiệt: BTU

Loại máy phát điện:

Công suất: kVA

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khổ đường:

mm

Kích thước giới hạn toa xe (D x R x C):

mm

Toa xe này thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

Hà Nội, ngày... tháng.... năm....

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể

2.5. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO ĐẦU MÁY HOÁN CẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẦU MÁY HOÁN CẢI**

Số:

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ biên bản kiểm tra số:

ngày:

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại đầu máy:

Số hiệu:

Cơ sở quản lý phương tiện:

Nước sản xuất:

Cơ sở hoán cải:

Năm sản xuất:

Địa chỉ:

Phạm vi hoạt động:

Địa điểm kiểm tra:

Nội dung hoán cải:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Ký hiệu động cơ:

Công suất định mức:

kW(ml)

Số động cơ:

Trọng lượng chính bị:

T

Công thức trục:

Tải trọng trục:

T

Kiểu truyền động:

Tốc độ lớn nhất:

km/h

Số chỗ:

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khô đường:

mm

Kích thước giới hạn đầu máy (D x R x C):

mm

Đầu máy này thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

Hà Nội, ngày... tháng.... năm....

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể

2.6. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO TOA XE HOÁN CẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TOA XE HOÁN CẢI**

Số:

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ biên bản kiểm tra số:

ngày:

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại toa xe:

Số hiệu:

Cơ sở quản lý phương tiện:

Nước sản xuất:

Cơ sở hoán cải:

Năm sản xuất:

Địa chỉ:

Phạm vi hoạt động:

Địa điểm kiểm tra:

Nội dung hoán cải:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại giá chuyên hướng:

Tốc độ lớn nhất:

km/h

Loại van hãm:

Tự trọng:

T

Loại đầu đấm móc nối:

Tải trọng:

T

Số chỗ:

Tải trọng trục:

T

Loại máy điều hòa không khí:

Công suất nhiệt:

BTU

Loại máy phát điện:

Công suất:

kVA

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khổ đường:

mm

Kích thước giới hạn toa xe (D x R x C):

mm

Toa xe này thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

Hà Nội, ngày... tháng.... năm....

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể

2.7. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO ĐẦU MÁY NHẬP KHẨU

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẦU MÁY NHẬP KHẨU**

Số:

(Liên số:)

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ biên bản kiểm tra số:

ngày:

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại đầu máy:

Số hiệu:

Cơ sở sản xuất:

Nước sản xuất:

Tình trạng phương tiện:

Năm sản xuất:

Số tờ khai hàng nhập khẩu:

Phạm vi hoạt động:

Tổ chức nhập khẩu:

Địa chỉ:

Địa điểm kiểm tra:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Ký hiệu động cơ:

Công suất định mức:

kW(ml)

Số động cơ:

Trọng lượng chính bị:

T

Công thức trục:

Tải trọng trục:

T

Kiểu truyền động:

Tốc độ lớn nhất:

km/h

Số chỗ:

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khô đường:

mm

Kích thước giới hạn đầu máy (D x R x C):

mm

Đầu máy này thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

Hà Nội, ngày... tháng... năm....

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp .v.v....

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể

2.8. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO TOA XE NHẬP KHẨU

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TOA XE NHẬP KHẨU**

Số:
(Liên số:)

Căn Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ biên bản kiểm tra số: ngày:
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại toa xe:	Số hiệu:
Cơ sở sản xuất:	Nước sản xuất:
Tỉnh trạng phương tiện:	Năm sản xuất:
Số tờ khai hàng nhập khẩu:	Phạm vi hoạt động:
Tổ chức nhập khẩu:	
Địa chỉ:	
Địa điểm kiểm tra:	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại giá chuyên hướng:	Tốc độ lớn nhất:	km/h
Loại van hãm:	Tự trọng:	T
Loại đầu đấm móc nối:	Tải trọng:	T
Số chỗ:	Tải trọng trục:	T
Loại máy điều hòa không khí:	Công suất nhiệt:	BTU
Loại máy phát điện:	Công suất:	kVA
Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:		m
Khổ đường:		mm
Kích thước giới hạn toa xe (D x R x C):		mm

Toa xe này thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

Hà Nội, ngày... tháng.... năm....
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp .v.v....

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể

2.11. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG SẢN XUẤT, LẮP RÁP

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Số:
 (Liên số:)

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ biên bản kiểm tra số: ngày:

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại phương tiện:	Số hiệu:
Cơ sở sản xuất:	Năm sản xuất:
Địa chỉ:	Phạm vi hoạt động:
Địa điểm kiểm tra:	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Ký hiệu động cơ	Công suất định mức:	kW(ml)
Số động cơ:	Tự trọng:	T
Số khung:	Tải trọng:	T
Kiểu truyền động:	Tải trọng trục:	T
Số chỗ:	Tốc độ lớn nhất:	km/h
Loại giá chuyên hướng:		
Loại van hãm:		
Loại móc nối, đỡ đấm:		
Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:		m
Khổ đường:		mm
Kích thước giới hạn phương tiện (D x R x C):		mm

Phương tiện này thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

Hà Nội, ngày... tháng... năm....
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể

2.14. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG KIỂM TRA ĐỊNH KỶ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA ĐỊNH KỶ AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG

Số:

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ biên bản kiểm tra số: ngày:

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại phương tiện:	Số hiệu:
Cơ sở quản lý phương tiện:	Nước sản xuất:
Thời điểm kiểm tra định kỳ:	Năm sản xuất:
Địa điểm kiểm tra:	Phạm vi hoạt động:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Ký hiệu động cơ	Công suất định mức:	kW(ml)
Số động cơ:	Tự trọng:	T
Số khung:	Tải trọng:	T
Kiểu truyền động:	Tải trọng trục:	T
Số chỗ:	Tốc độ lớn nhất:	km/h
Loại giá chuyển hướng:		
Loại van hãm:		
Loại móc nối, đỡ đấm:		
Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:		m
Khổ đường:		mm
Kích thước giới hạn phương tiện (D x R x C):		mm

Phương tiện này thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

Hà Nội, ngày... tháng.... năm....
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể

Phụ lục 3¹⁹

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

(Ban hành bổ sung vào Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Kính gửi: (Tên Cơ quan Đăng kiểm)

Tên Tổ chức/Cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Nội dung đề nghị:.....

.....

.....

.....

.....

Địa điểm và thời gian:.....

.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.....

¹⁹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2011.

09483999

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn